

THÔNG TƯ
BAN HÀNH QUY CHẾ ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2017 và bãi bỏ các nội dung quy định về: Tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; đánh giá kết quả học tập, xếp hạng tốt nghiệp; xét, công nhận tốt nghiệp, cấp phát văn bằng; thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo từ xa trình độ đại học tại Quy chế về tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức giáo dục từ xa ban hành kèm theo Quyết định số 40/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 08 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

QUY CHẾ
ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định tổ chức hoạt động đào tạo từ xa (ĐTTX) trình độ đại học bao gồm: tuyển sinh, tổ chức và quản lý ĐTTX; quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, quyền và trách nhiệm của giảng viên, người học; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.
2. Quy chế này áp dụng đối với các đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, trường đại học (bao gồm cả các trường đại học thành viên của đại học quốc gia, đại học vùng) trong hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học), các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học gồm: Chương trình ĐTTX; học liệu ĐTTX; bộ máy tổ chức và quản lý ĐTTX; hệ thống kiểm tra, đánh giá; hệ thống kỹ thuật hỗ trợ thực hiện ĐTTX; đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý; các văn bản quy định về ĐTTX.

2. Học liệu ĐTTX gồm: học liệu chính và các học liệu bổ trợ phục vụ cho quá trình đào tạo.

Học liệu chính đảm bảo cung cấp và truyền tải đầy đủ nội dung chương trình đào tạo để người học có thể tự học phù hợp với phương thức ĐTTX.

Học liệu bổ trợ cung cấp các nội dung chi tiết hỗ trợ người học hiểu biết sâu sắc, đầy đủ những nội dung trong học liệu chính, có thể là: băng đĩa ghi hình ảnh, âm thanh, đoạn phim ngắn; chương trình phát thanh, chương trình truyền hình; sách in, tài liệu hướng dẫn dạy và học với sự trợ giúp của máy tính; bài tập trên internet, bài seminar và các buổi trao đổi thảo luận, truyền hình hội nghị từ xa; bài thực tập ảo, bài thực tập mô phỏng và thực tập thực tế.

3. Các phương thức ĐTTX:

a) Thư tín: Chương trình ĐTTX được thực hiện chủ yếu bằng đường thư tín thông qua học liệu chính là tài liệu in. Học liệu chính bao gồm: giáo trình, sách tham khảo, tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu, sách bài tập, tài liệu hướng dẫn thi, kiểm tra;

b) Phát thanh - truyền hình: Chương trình ĐTTX được thực hiện chủ yếu thông qua các hệ thống phát thanh - truyền hình trong đó học liệu chính là các chương trình phát thanh, truyền hình được phát trực tiếp hoặc phát lại trên các kênh phát thanh, truyền hình;

c) Mạng máy tính: Chương trình ĐTTX được thực hiện chủ yếu thông qua mạng máy tính, mạng internet và mạng viễn thông trong đó học liệu chính là học liệu điện tử được chuyển qua mạng, việc giảng dạy được thực hiện trực tuyến hoặc không trực tuyến;

d) Kết hợp: kết hợp các phương thức nêu tại các điểm a, b và c, Khoản này.

4. Trạm ĐTTX: đặt tại cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường của cơ quan nhà nước, trường của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, trường của lực lượng vũ trang nhân dân có đủ điều kiện đảm bảo các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, thiết bị thí nghiệm, thực hành, thực tập, cán bộ quản lý để thực hiện chương trình ĐTTX.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO TỪ XA

Điều 3. Yêu cầu tối thiểu để thực hiện chương trình đào tạo từ xa

1. Hệ thống ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học đã được xây dựng hoàn chỉnh, phù hợp với phương thức ĐTTX lựa chọn.
2. Việc thực hiện chương trình ĐTTX phải được xác định trong sứ mạng, tầm nhìn, phương hướng, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục đại học, được Hội đồng đại học, Hội đồng trường hoặc Hội đồng quản trị quyết nghị thông qua. Cơ sở giáo dục đại học được thực hiện chương trình ĐTTX trình độ đại học đối với những ngành đã có quyết định cho phép mở ngành đào tạo hệ chính quy trình độ đại học.
3. Chương trình ĐTTX đã được xây dựng hoàn chỉnh, có kế hoạch đào tạo toàn khóa và đề cương chi tiết của từng học phần đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với phương thức ĐTTX. Trong cùng một ngành đào tạo, nội dung của chương trình ĐTTX như chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy.
4. Bộ máy tổ chức và quản lý hoạt động ĐTTX đảm bảo quản lý, giám sát được quá trình giảng dạy, học tập, thi, kiểm tra, đánh giá và cấp bằng. Có đơn vị khảo thí với ngân hàng đề thi đầy đủ và thực hiện quy trình khảo thí độc lập.
5. Quy định về ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học đảm bảo tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
6. Đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý có đủ kiến thức, đã được bồi dưỡng kỹ năng và phương pháp về giảng dạy và quản lý ĐTTX.
7. Đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, học liệu để triển khai ĐTTX:
 - a) Có phòng kỹ thuật đủ diện tích để lắp đặt các thiết bị của hệ thống ĐTTX; có phòng làm việc đủ diện tích phục vụ sinh hoạt của các cán bộ quản lý và giảng viên;
 - b) Có đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cho phương thức ĐTTX;
 - c) Có hệ thống kỹ thuật hỗ trợ thực hiện ĐTTX đảm bảo: cung cấp các thông tin liên quan tới ĐTTX; lưu trữ và truyền tải nội dung chương trình ĐTTX tới người học; giám sát, quản lý và đánh giá người học trong quá trình học tập; lưu trữ và bảo mật thông tin về việc học tập, quá trình tham gia học tập cũng như hồ sơ cá nhân của người học; kết nối thông tin giữa người học, giảng viên và cán bộ quản lý qua hệ thống công nghệ thông tin;
 - d) Có hệ thống kiểm tra, đánh giá đảm bảo đánh giá được quá trình học tập hoặc đánh giá kết thúc học phần, môn học phù hợp với phương thức ĐTTX; kiểm soát và xác thực được việc học, làm bài kiểm tra, thi và thực hiện các nhiệm vụ được giao trong chương trình học tập của người học; đánh giá được đúng kết quả học tập của người học;
 - đ) Trang thông tin điện tử phải được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai học phí và các khoản thu khác từ người học;
 - e) Có thư viện, thư viện điện tử với số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, và các cơ sở dữ liệu điện tử chuyên ngành đủ để cung cấp, hỗ trợ cho việc học tập và nghiên cứu của người học;
 - g) Có đơn vị tổ chức sản xuất học liệu ĐTTX. Có đủ học liệu chính và học liệu bổ trợ phù hợp với phương thức ĐTTX cho 2/3 số học phần của chương trình ĐTTX cho những năm đầu và có kế hoạch xây dựng và phát triển học liệu cho các học phần còn lại.
8. Có hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý trực tuyến toàn bộ thông tin của quá trình tuyển sinh, đào tạo, khảo thí, xét tốt nghiệp và cấp bằng của từng người học.
9. Đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng trong trường hợp cơ sở giáo dục đại học lựa chọn phương thức Mạng máy tính.

Điều 4. Tuyển sinh

1. Trên cơ sở Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành và các quy định của Quy chế này, cơ sở giáo dục đại học xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh ĐTTX.

2. Đối tượng tuyển sinh:

a) Công dân Việt Nam: thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành;

b) Công dân nước ngoài: xét tuyển theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.

3. Giám đốc đại học quốc gia, đại học vùng, học viện; hiệu trưởng trường đại học (sau đây gọi chung là Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học) quyết định phương thức tuyển sinh: thi tuyển; xét tuyển; hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

4. Hội đồng tuyển sinh ĐTTX do Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định thành lập. Thành phần, nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng tuyển sinh ĐTTX thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành.

5. Thông báo tuyển sinh và các thông tin liên quan đến chương trình ĐTTX phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học ít nhất 02 tháng trước ngày tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, mức học phí và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cả khóa học, thời gian tuyển và phương thức ĐTTX phải được công bố công khai trong thông báo tuyển sinh.

6. Điều kiện, trình tự tiếp nhận lưu học sinh người nước ngoài được thực hiện theo quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam hiện hành.

7. Kết quả tuyển sinh phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học.

Điều 5. Đặt trạm đào tạo từ xa

1. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học tổ chức kiểm tra thực tế tại Trạm ĐTTX và xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu để thực hiện chương trình ĐTTX.

2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quyết định việc đặt Trạm ĐTTX cho từng ngành đào tạo trên cơ sở ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo.

Điều 6. Tổ chức và quản lý đào tạo từ xa

1. Tổ chức ĐTTX được thực hiện theo học chế tín chỉ. Cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể thời gian tối đa thực hiện chương trình ĐTTX, nhưng không quá 2 lần thời gian thiết kế của chương trình đào tạo theo hệ chính quy.

2. Hội đồng chuyên môn được Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học thành lập xem xét, công nhận kết quả học tập để chuyển đổi, miễn trừ những học phần mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo cấp văn bằng khác theo những quy định cụ thể của cơ sở giáo dục đại học.

3. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình ĐTTX theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổ chức thẩm định học liệu trước khi đưa vào sử dụng.

4. Cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng về học tập từ xa trước khi tham gia chính thức khoá học.

5. Bố trí giảng viên, cán bộ quản lý giảng dạy, hướng dẫn, hỗ trợ học tập, thí nghiệm, thực hành theo đúng yêu cầu của chương trình ĐTTX. Giảng viên cơ hữu phải thực hiện ít nhất 50% khối lượng giảng dạy của chương trình ĐTTX.

6. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể yêu cầu về khối lượng học tập tối đa được phép đăng ký trong mỗi học kỳ.
7. Việc tổ chức ĐTTX phải đảm bảo sự tương tác giữa người học với giảng viên, giữa người học với người học; đảm bảo ít nhất 04 hoạt động học tập chính: tham dự buổi học, buổi hướng dẫn, seminar và hội thảo; học tập những nội dung từ các học liệu chính và các học liệu bổ trợ; thực hiện các hoạt động học tập và làm các bài tập đánh giá; tham vấn và đặt câu hỏi với các giảng viên.
8. Cung cấp cho người học cơ hội tham gia tư vấn định hướng nghề nghiệp, các buổi hướng dẫn, chương trình thực tập nghề nghiệp.
9. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định xếp hạng năm đào tạo và học lực, học cùng lúc hai chương trình đối với người học được thực hiện trên cơ sở quy định về đào tạo trình độ đại học hình thức giáo dục chính quy của cơ sở giáo dục đại học và phù hợp với hình thức ĐTTX.
10. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định về xử lý nghỉ học tạm thời, đình chỉ học tập, thôi học, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, chuyển ngành, chuyển trường trên cơ sở các quy định đối với hình thức đào tạo chính quy và phù hợp với hình thức ĐTTX.

Điều 7. Đánh giá kết quả học tập, xếp hạng tốt nghiệp

1. Quy trình kiểm tra, đánh giá phải phổ biến trước để đảm bảo người học hiểu được các yêu cầu cho việc hoàn thành từng học phần và chương trình đào tạo.
2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định về việc đánh giá quá trình học tập, tổ chức thi hoặc kiểm tra giữa kỳ trên cơ sở quy định của hình thức giáo dục chính quy và phù hợp với hình thức ĐTTX.
3. Việc tổ chức thi kết thúc học phần phải được thực hiện tập trung tại cơ sở giáo dục đại học hoặc tại Trạm ĐTTX, được giám sát bởi cán bộ của cơ sở giáo dục đại học.
4. Đề thi kết thúc học phần phải lấy trong ngân hàng đề thi chung với hệ chính quy.
5. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định việc tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần, cách tính điểm và xếp hạng tốt nghiệp trên cơ sở quy định của hình thức giáo dục chính quy.

Điều 8. Xét, công nhận tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và bằng điểm

1. Người học được cơ sở giáo dục đại học xét, công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - b) Hoàn thành chương trình ĐTTX, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định; đáp ứng chuẩn đầu ra của cơ sở giáo dục đại học.
2. Căn cứ vào các điều kiện tốt nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tổ chức xét, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng cho người học đã đủ các điều kiện tốt nghiệp theo quy định. Hình thức ĐTTX được ghi trong văn bằng tốt nghiệp.
3. Việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Bảng điểm cấp cho người học phải ghi rõ tên các học phần được công nhận và miễn trừ, số tín chỉ tương ứng của từng học phần được miễn trừ.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Từ ngày 15 tháng 12 đến trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, các cơ sở giáo dục đại học báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả ĐTTX bao gồm: Tuyển sinh; quy mô đào tạo; tổ chức đào tạo; cấp bằng tốt nghiệp trong năm; và dự kiến kế hoạch tuyển sinh năm sau.
2. Nội dung báo cáo phải có đánh giá các hoạt động ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học và đề xuất giải pháp để củng cố, phát triển hệ thống ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học.

3. Cung cấp thông tin quản lý về tuyển sinh, quá trình đào tạo, khảo thí, xét tốt nghiệp và cấp bằng cho Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu ở khoản 8, Điều 3 của Quy chế này.

Điều 10. Quản lý và lưu trữ hồ sơ

1. Hồ sơ được bảo quản và lưu trữ tại cơ sở giáo dục đại học gồm có:

- a) Hồ sơ, minh chứng về các yêu cầu quy định tại Điều 3 của Quy chế này;
- b) Hồ sơ liên quan đến đặt Trạm ĐTTX;
- c) Chương trình ĐTTX; kế hoạch đào tạo toàn khóa; kế hoạch đào tạo chi tiết cho từng học phần;
- d) Hồ sơ tuyển sinh, kết quả quá trình học tập, hồ sơ công nhận tốt nghiệp;
- đ) Hồ sơ có liên quan đến thi kết thúc học phần;
- e) Sổ cấp phát văn bằng.

2. Hồ sơ được bảo quản và lưu trữ tại Trạm ĐTTX gồm có:

- a) Hồ sơ liên quan đến đặt Trạm ĐTTX;
- b) Chương trình ĐTTX; kế hoạch đào tạo toàn khóa; kế hoạch đào tạo chi tiết cho từng học phần;
- c) Danh sách và kết quả học tập của người học;
- d) Danh sách giảng viên, cán bộ quản lý có liên quan tới khóa học.

3. Cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể quy trình và thời hạn lưu giữ hồ sơ ĐTTX theo Luật lưu trữ và các văn bản quy định hiện hành.

Chương III

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC; QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA GIẢNG VIÊN, NGƯỜI HỌC TRONG ĐÀO TẠO TỪ XA

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học

1. Xây dựng các quy định cụ thể của cơ sở giáo dục đại học về ĐTTX theo quy định của Quy chế này.

2. Xác định các yêu cầu của chương trình ĐTTX để đảm bảo chất lượng đào tạo.

3. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học những quy định liên quan đến ĐTTX, chương trình ĐTTX, các điều kiện đảm bảo chất lượng cho việc thực hiện chương trình ĐTTX, thông tin về kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp đối với từng ngành đào tạo và từng khóa học.

4. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp và kỹ năng cần thiết cho đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ học tập, cán bộ quản lý để có thể tham gia thực hiện chương trình ĐTTX.

5. Tổ chức tuyển sinh, tổ chức và quản lý ĐTTX theo Quy chế này và các quy định về ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học.

6. Báo cáo các thông tin liên quan đến việc đặt Trạm ĐTTX cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt Trạm ĐTTX trước khi khai giảng khóa học.

7. Triển khai tự đánh giá chương trình ĐTTX; đăng ký tham gia kiểm định chất lượng chương trình ĐTTX theo quy định hiện hành với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

8. Bồi hoàn học phí cho người học nếu cơ sở giáo dục đại học vi phạm Quy chế này hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học không được cấp bằng.

9. Duy trì và phát triển hệ thống ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học, cập nhật và hiện đại hóa phương tiện kỹ thuật để nâng cao hiệu quả, chất lượng ĐTTX theo hướng hội nhập quốc tế về ĐTTX.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của giảng viên

1. Được hưởng các quyền lợi chung và phụ cấp do Nhà nước quy định đối với giảng viên, các chế độ theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.
2. Được tạo điều kiện thực tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp đặc thù của ĐTTX.
3. Được ưu tiên sử dụng thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác ĐTTX; được hỗ trợ tạo điều kiện áp dụng các phương pháp và công nghệ dạy học tiên tiến trong điều kiện của cơ sở giáo dục đại học và phù hợp với phương thức ĐTTX.
4. Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập một cách khách quan và theo đúng quy định đã công bố công khai trước khi tuyển sinh.
5. Tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương môn học, ngân hàng đề thi, sản xuất học liệu phục vụ giảng dạy; nghiên cứu, cải tiến và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn những phương thức đào tạo, thi, kiểm tra, đánh giá trong ĐTTX có hiệu quả.
6. Tạo môi trường học tập thân thiện và tăng cường sự tương tác, kết nối thông tin giữa giảng viên và người học trong quá trình đào tạo.
7. Hướng dẫn người học xây dựng kế hoạch tự học tập, lựa chọn môn học hoặc học phần trong chương trình đào tạo của ngành học, phương pháp học tập, nghiên cứu phù hợp với điều kiện học tập.
8. Giải đáp những thắc mắc của người học trong quá trình đào tạo, hỗ trợ người học giải quyết những khó khăn nảy sinh khi thông tin liên lạc gặp sự cố.
9. Giảng viên được phân công làm trợ giảng thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ giảng viên trong giảng dạy, giúp giảng viên trong việc phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành; kiểm tra, giám sát, khuyến khích việc tham gia học tập của người học.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của người học

1. Được cung cấp đầy đủ thông tin về tuyển sinh, thời hạn đăng ký nộp hồ sơ, chương trình ĐTTX, điều kiện công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập, kế hoạch đào tạo, quy định về ĐTTX, yêu cầu về bằng cấp và các chính sách ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học.
2. Được quyền tham gia học tập các tín chỉ cùng với hệ đào tạo chính quy, hệ vừa làm vừa học theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.
3. Được cung cấp đầy đủ các thông tin về đánh giá công nhận chuyển đổi kết quả học tập và có thể đề nghị xem xét lại việc đánh giá công nhận kết quả học tập của cơ sở giáo dục đại học.
4. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời gian đã được cơ sở giáo dục đại học công bố; nộp lệ phí và học phí theo quy định của cơ sở giáo dục đại học.
5. Lập kế hoạch học tập cụ thể theo các yêu cầu về bằng cấp của cơ sở giáo dục đại học về chương trình ĐTTX đã được công bố để có thể được cấp bằng tốt nghiệp.
6. Chấp hành Quy chế ĐTTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các nội quy, quy định của cơ sở giáo dục đại học.
7. Chủ động liên lạc với giảng viên hoặc cán bộ hỗ trợ học tập trong quá trình học để được hướng dẫn, hỗ trợ.

Chương IV

THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Thanh tra, kiểm tra

1. Cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm tự kiểm tra, thanh tra nội bộ việc tuyển sinh, thực hiện kế hoạch, chương trình, quy chế đào tạo và các vấn đề khác liên quan đến

ĐTTX; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học theo các quy định của pháp luật.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý của mình, theo phân công và phân cấp của Chính phủ.

Điều 15. Khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế ĐTTX của cơ sở giáo dục đại học, của giảng viên, cán bộ quản lý và người học.

2. Việc khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Điều 16. Xử lý vi phạm

1. Việc xử lý các vi phạm trong tuyển sinh thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Việc xử lý kỷ luật đối với người học vi phạm các quy định về thi, kiểm tra được thực hiện theo quy định của quy chế đào tạo đại học chính quy hiện hành.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện ĐTTX, cơ sở giáo dục đại học, cá nhân có liên quan để xảy ra sai phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cơ sở giáo dục đại học bị đình chỉ tuyển sinh ngành đào tạo theo hình thức ĐTTX trong các trường hợp sau đây:

a) Không đảm bảo điều kiện tối thiểu để chương trình đào tạo được thực hiện quy định tại Điều 3 của Quy chế này;

b) Đã bị dừng tuyển sinh ngành đào tạo đối với hình thức giáo dục chính quy;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với những khoá tuyển sinh trước ngày Quy chế này có hiệu lực, việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo áp dụng theo Quy chế về tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức giáo dục từ xa ban hành theo Quyết định số 40/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 08 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với khóa tuyển sinh từ ngày Quy chế này có hiệu lực, việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo áp dụng theo Quy chế này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

Số: 27/2019/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ
QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHÍNH GHI TRÊN VĂN BẰNG VÀ PHỤ LỤC VĂN BẰNG
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học gồm: bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ và các văn bằng trình độ tương đương.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, tổ chức và cá nhân có liên quan đến giáo dục đại học.

Điều 2. Nội dung chính ghi trên văn bằng

1. Tiêu đề:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

2. Tên văn bằng theo từng trình độ đào tạo (bằng cử nhân, bằng thạc sĩ, bằng tiến sĩ, văn bằng trình độ tương đương).

3. Ngành đào tạo.

4. Tên cơ sở giáo dục đại học cấp văn bằng.

5. Họ, chữ đệm, tên của người được cấp văn bằng.

6. Ngày tháng năm sinh của người được cấp văn bằng.

7. Hạng tốt nghiệp (nếu có).

8. Địa danh, ngày tháng năm cấp văn bằng.

9. Chức danh, chữ ký, họ, chữ đệm, tên của người có thẩm quyền cấp văn bằng và đóng dấu theo quy định;

10. Số hiệu, số vào sổ gốc cấp văn bằng.

Điều 3. Nội dung chính ghi trên phụ lục văn bằng

1. Thông tin về người được cấp văn bằng: họ, chữ đệm, tên, ngày tháng năm sinh.

2. Thông tin về văn bằng: tên cơ sở giáo dục đại học cấp bằng, chuyên ngành đào tạo, ngày nhập học, ngôn ngữ đào tạo, thời gian đào tạo, trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, hình thức đào tạo.

3. Thông tin về nội dung, kết quả học tập (nếu có): tên học phần hoặc môn học, số tín chỉ của từng học phần hoặc môn học, điểm học phần hoặc môn học, tổng số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình, tên và kết quả luận văn, luận án, điểm xếp hạng tốt nghiệp. Trường hợp văn bằng được cấp khi các tín chỉ tích lũy ở những cơ sở đào tạo khác nhau, cần ghi rõ

tên môn học, số tín chỉ của từng môn học được công nhận để xét tốt nghiệp và tên cơ sở đào tạo.

4. Thông tin kết nối với văn bằng: mã số sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh; số hiệu văn bằng.

Điều 4. Nội dung khác ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng

1. Cơ sở giáo dục đại học được bổ sung các nội dung khác ghi trên văn bằng giáo dục đại học phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục đại học tự thiết kế mẫu và được bổ sung các nội dung khác ghi trên phụ lục văn bằng phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Ngôn ngữ ghi trên phụ lục văn bằng thực hiện như ghi trên văn bằng.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số [19/2011/TT-BGDĐT](#) ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành mẫu bằng tốt nghiệp đại học; Thông tư số [23/2009/TT-BGDĐT](#) ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành mẫu bằng thạc sĩ; Thông tư số [24/2009/TT-BGDĐT](#) ngày 12 tháng 8 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành mẫu bằng tiến sĩ.

3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; giám đốc đại học, học viện; hiệu trưởng trường đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Kiểm toán nhà nước;
- Như Điều 5;
- Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hữu Độ